

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P.**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH LÀO CAI**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lan Anh và bà Lý Thị Ngân;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 192/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K3, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K3, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam Quảng Ninh. Địa chỉ: Xã Đ, thị xã T, tỉnh Quảng Ninh.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người làm chứng:

1, Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn K3, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

2, Anh Nguyễn Văn L. Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn K3, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai.

3, Ông Hà Văn C. Sinh năm 1969.

Địa chỉ: Thôn P, xã Y, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, Tháng 12/2018 anh P bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Lào Cai, sau đó chị D về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã Y, huyện V, từ đó chị và anh P không sống chung với nhau nữa. Khoảng tháng 6/2020 thì anh Nguyễn Văn P lại bị Công an bắt về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị Tòa án nhân dân Thành phố S xử phạt 15 tháng tù, hiện anh P đang chấp hành án phạt tù tại trại giam Quảng Ninh. Chị D nhận thấy thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh P nhiều lần vi phạm pháp luật, không quan T1 đến vợ con. Vì vậy chị D đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung: Trong thời kỳ chung sống, chị và anh Nguyễn Văn P có 01 người con chung là cháu Nguyễn Băng T1, sinh ngày 08/12/2018, hiện cháu đang sống cùng chị D. Chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Băng T1 cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị và anh P tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Về vay nợ: Chị và anh P không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Tại bản tự khai ngày 23/4/2021 Trại giam Quảng Ninh, anh P nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D về thời gian kết hôn, quá trình chung sống. Anh P xác nhận bản thân anh là người nghiện chất ma túy, đã nhiều lần vi phạm pháp luật, bị áp dụng biện pháp đi cai nghiện bắt buộc năm 2018 và hiện đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam Quảng Ninh, thời hạn 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị D anh P nhất trí ly hôn, vì anh không quan T1, chăm lo đến vợ con. Trong thời giam anh chấp hành án chị D cũng không quan T1 đến anh, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị D được ly hôn.

Về con chung: Anh P xác nhận anh và chị D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Băng T1, sinh ngày 08/12/2018. Hiện nay cháu T1 đang ở cùng chị D. Khi ly hôn anh P cũng đề nghị Tòa án giao Cháu T1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến khi đủ 18 tuổi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh và chị D tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết;

Về vay nợ: Anh P xác định vợ chồng không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do anh P hiện nay đang chấp hành án tại trại giam Quảng Ninh nên có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Ngày 31/3/2021, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, chị D và anh P đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện V mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn P đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 78 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Bằng T1, sinh ngày 08/12/2018 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T1 trưởng thành đủ 18 tuổi, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Văn P, ĐKKHTT tại Thôn K3, xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D, bị đơn anh Nguyễn Văn P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 19/9/2018 tại UBND xã K, huyện V, tỉnh Lào Cai, đây là hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh P bị TAND huyện V Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở Cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng tại Quyết định số 02/2019/QĐ - TA ngày 28/01/2019 và bị TAND thành phố S, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại bản án số 142/2020/HS -ST ngày 17/9/2020, hiện anh P đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Quảng Ninh. Chị D và anh P đều xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, do thời gian sống ly thân đã nhiều năm, vợ chồng không quan T1 đến nhau. Chị D khởi kiện xin ly hôn, anh P cũng nhất trí ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị D là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn P có 01 người con chung là cháu Nguyễn Bằng T1, sinh ngày 08/12/2018. Chị D và anh P đều thống nhất giao cháu T1 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, các đương sự đã thống nhất được về giao con chung. Mặt khác, cháu T1 hiện dưới 36 tháng tuổi, chị D có thu nhập hàng tháng khoảng 4,5 triệu đồng, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu T1. Anh P hiện đang chấp hành án, nên không có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Bằng T1 cho chị Nguyễn Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự đều thống nhất anh Nguyễn Văn P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, vay nợ: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không đề cập vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn P;
- Về con chung: Chị Nguyễn Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Băng T1, sinh ngày 08/12/2018, đến khi cháu Nguyễn Băng T1 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn P không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AC/2012/0001730 ngày 30/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lào Cai. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã K (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lan Anh

Lý Thị Ngân

Trần Văn Nghĩa